

Số: 355 /BC-SNN

Trà Vinh, ngày 31 tháng 7 năm 2014

BÁO CÁO

Tình hình công tác tháng 7, bảy tháng và kế hoạch công tác tháng 8 năm 2014

Tình hình sản xuất nông, lâm thủy sản có một số thuận lợi cơ bản: Thời tiết, khí hậu không có sự đột biến bất thường, các loại dịch bệnh nguy hiểm trên cây trồng và gia súc gia cầm không phát sinh. Tuy nhiên, cũng gặp không ít khó khăn như giá cả các loại vật tư đầu vào tiếp tục đứng ở mức cao, trong khi giá đũa khô, cá lóc, cá tra ở mức thấp. Nhưng với nỗ lực chung của ngành và sự phấn đấu của bà con nông dân, nên nhìn chung sản xuất có bước phát triển, các mặt công tác cơ bản đạt yêu cầu, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT:

1. Nông nghiệp:

a) Trồng trọt:

- Cây lúa:

+ Vụ Hè Thu: Xuống giống 1.818 ha, nâng tổng diện tích xuống giống dứt điểm 80.228 ha, vượt 0,28% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 429 ha. Thu hoạch 8.591 ha, nâng tổng diện tích thu hoạch đến nay 14.246 ha, đạt 17,8% diện tích xuống giống, năng suất trung bình 5,37 tấn/ha (cao hơn cùng kỳ 0,38 tấn/ha). Thực hiện thêm 03 mô hình mới với diện tích 449 ha, nâng tổng số đến nay có 25 mô hình cánh đồng mẫu lớn, diện tích 4.244 ha, với 3.762 hộ tham gia. Diện tích nhiễm sâu bệnh 6.348 ha, trong đó: Bệnh đạo ôn lá 5.296 ha, tỉ lệ 5-20%, cục bộ có 281 ha bệnh nặng có tỷ lệ 30-70% ở các xã Đa Lộc, Hòa Lợi, Phước Hảo, Hưng Mỹ huyện Châu Thành, Long Hiệp, Tân Hiệp, Tân Sơn, An Quảng Hữu huyện Trà Cú, Long Sơn, Thạnh Hòa Sơn, Nhị Trường huyện Cầu Ngang; Phường 9, xã Long Đức Tp. Trà Vinh; lem lép hạt: 295 ha, tỉ lệ 5-15%, phân bố rải rác ở các huyện Càng Long, Cầu Kè, Tiểu Cần, diện tích nhiễm sâu bệnh còn lại do các đối tượng gây hại như: Đạo ôn cổ bông, bạc lá, nhện gié, sâu cuốn lá, rầy nâu với mức độ gây hại nhẹ.

+ Vụ Thu Đông – mùa: Xuống giống 6.775 ha, đạt 7,75% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 1.240 ha.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Gieo trồng 3.110 ha, nâng tổng diện tích gieo trồng đến nay 40.942 ha (cao hơn cùng kỳ 2.994 ha), đạt 73,6% kế hoạch, gồm: Màu lương thực 5.859 ha, đạt 66,21%; màu thực phẩm 21.143 ha, đạt 68,42%; cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 13.940 ha, đạt 87,78%.

b) Chăn nuôi: Ước tổng đàn bò 139.936 con, đàn heo 335.155 con, đàn gia cầm 4,3 triệu con, so với tháng 6 đàn heo tăng 11.340 con, đàn gia cầm tăng 446 ngàn con, đàn bò giảm 5.800 con. Tổng đàn heo và đàn gia cầm so với tháng

6 tăng do giá heo hơi ổn định ở mức cao, dịch cúm gia cầm được kiểm soát, nên người nuôi mạnh dạn tái đàn trở lại, riêng đàn bò thịt giảm do bán bò thịt và xuất bán con giống ra ngoài tỉnh.

2. Lâm nghiệp:

Tổ chức giao nhận 104,2 ngàn cây lâm nghiệp phân tán về các xã để chuẩn bị công tác trồng rừng năm 2014; trồng 05 ha rừng bần chua trên địa bàn huyện Cầu Ngang; thực hiện 64 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện 09 trường hợp vi phạm; tĩa thưa, vệ sinh, tận dụng lâm sản và điều chỉnh mật độ 74,9 ha rừng tại ấp Phước Thiện, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải. Nâng tổng số đến nay tổ chức 371 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện 26 trường hợp vi phạm, đã tiến hành xử lý theo quy định; tĩa thưa, vệ sinh, tận dụng lâm sản và điều chỉnh mật độ 151,5 ha rừng.

3. Diêm nghiệp:

Có 263 hộ sản xuất, diện tích 193,2 ha, giảm 14,1 ha so cùng kỳ nguyên nhân do lấy đất xây dựng Nhà máy nhiệt điện, đào ao chuyển sang nuôi thủy sản. Trong tháng thu hoạch 873 tấn, nâng tổng sản lượng thu hoạch đến nay 11.877 tấn; sản lượng muối tiêu thụ 5.040 tấn, lượng muối tồn trong dân 6.837 tấn, diêm dân có lãi khoảng 300 - 400 đồng/kg.

4. Thủy sản:

- Nuôi trồng thủy sản: Thả nuôi 2.474 ha, thu hoạch 18.170 tấn. Nâng tổng diện tích đến nay thả nuôi 42.767 ha; sản lượng thu hoạch 62.796 tấn (19.098 tấn cá lóc, 5.350 tấn cá tra, 7.268 tấn tôm sú, 16.669 tấn tôm thẻ chân trắng), đạt 64,8% kế hoạch, tăng 51,6% so cùng kỳ. Cụ thể:

+ Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 266,6 triệu con tôm sú giống, diện tích 628 ha; 138 triệu con tôm thẻ chân trắng, diện tích 246 ha; 16,5 triệu con cua biển, diện tích 859 ha; thu hoạch 9.641 tấn. Lũy kế đến nay thả nuôi 1,8 tỷ con tôm sú giống, diện tích 19.333 ha; 2,1 tỷ con giống tôm chân trắng, diện tích 4.730 ha; 100 triệu con cua biển giống, diện tích 16.087 ha; 193 tấn nghêu giống, diện tích 579 ha; thu hoạch 28.987 tấn, đạt 67,8% kế hoạch, tăng 130% so cùng kỳ. Theo số liệu thống kê của ngành có 319 triệu con giống tôm sú bị thiệt hại (chiếm 17,6%), diện tích 3.457 ha (chiếm 18%); 504 triệu con giống tôm thẻ chân trắng bị thiệt hại (chiếm 23,9%), diện tích 1.060 ha (chiếm 22%). Nguyên nhân do tôm bị bệnh hội chứng hoại tử gan tụy và bệnh phân trắng.

+ Vùng nước ngọt: Thả nuôi 45 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 1.286 ha; thu hoạch 8.529 tấn. Lũy kế đến nay thả nuôi 154 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 2.584 ha (cá tra 3,9 triệu con giống, diện tích 13 ha; tôm càng xanh 9,4 triệu con giống, diện tích 535 ha; cá lóc 65,7 triệu con giống, diện tích 181 ha; còn lại là các loại cá khác). Sản lượng thu hoạch 33.809 tấn, đạt 62,4% kế hoạch, tăng 17,2% so cùng kỳ. Tuy nhiên, có 850 ngàn con giống cá lóc bị thiệt hại, diện tích 2,2 ha, nguyên nhân do bệnh lở loét trong giai đoạn 30-90 ngày tuổi.

- Khai thác thủy sản: Sản lượng khai thác trong tháng 10.068 tấn (1.491 tấn tôm). Lũy kế đến nay sản lượng khai thác 46.224 tấn (9.180 tấn tôm), đạt 60,9% kế hoạch, tăng 3.740 tấn so cùng kỳ, trong đó:

+ Khai thác nội đồng: 1.653 tấn (424 tấn tôm). Lũy kế đến nay 7.206 tấn (2.491 tấn tôm), đạt 52,2% kế hoạch, tăng 18,8% so cùng kỳ.

+ Khai thác hải sản: 8.415 tấn (1.067 tấn tôm). Lũy kế đến nay 39.018 tấn (6.689 tấn tôm), đạt 62,9% kế hoạch, tăng 7,1% so cùng kỳ.

- Tình hình thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 1.248 tấn thủy sản (trong đó có 713 tấn tôm sú), chế biến 776 tấn, tiêu thụ 474 tấn, kim ngạch xuất khẩu 6,4 triệu USD. Nâng tổng số đến nay các doanh nghiệp thu mua 5.780 tấn thủy sản (1.168 tấn tôm sú), chế biến 3.261 tấn, tiêu thụ 2.810 tấn, kim ngạch xuất khẩu 27,7 triệu USD.

II. KẾT QUẢ MỘT SỐ MẶT CÔNG TÁC CHÍNH

1. Công tác phòng chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi:

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra mức độ gây hại của sâu bệnh và gửi 28 thông báo hướng dẫn nông dân phun thuốc để chủ động phòng, chống kịp thời; kết hợp với các công ty thuốc bảo vệ thực vật tổ chức 85 cuộc thăm đồng và hướng dẫn biện pháp phòng trị sâu bệnh với 2.350 lượt người tham dự.

- Thực hiện tiêm phòng vaccine cúm cho 432 ngàn con gia cầm, LMLM cho 3.751 con gia súc, vaccine thường xuyên cho 168 ngàn con gia súc, đại chó 464 con; các loại vaccine khác 308.104 con; kiểm dịch 506 ngàn con gia cầm, 16 ngàn con gia súc, 85 tấn thịt gia súc, 7,1 triệu trứng gia cầm các loại; sử dụng 36 lít thuốc sát trùng phun xịt với diện tích 41.680 m² cho 182 lượt hộ chăn nuôi có gia súc nghi bệnh LMLM tại ấp Cầu Hanh và Xóm Chòi, xã Ngãi Xuyên, huyện Trà Cú và ấp Bung Lớn A, xã Tam Ngãi, huyện Cầu Kè. Nâng tổng số đến nay tiêm vaccine cúm cho 4,29 triệu con gia cầm (gà 1,455 triệu con, đạt 97% so tổng đàn điều tra; vịt 2,8 triệu con, vượt 54% so tổng đàn điều tra), LMLM gia súc 24.595 con (heo 1.227 con; trâu, bò 22.340 con; dê, cừu 1.028 con), tiêm phòng vaccine thường xuyên cho 832 ngàn con gia súc (dịch tả 280 ngàn con, đạt 93% KH; tụ huyết trùng 278 ngàn con, đạt 92% KH; phó thương hàn 274 ngàn con, đạt 91% KH), đại chó 4.461 con, đạt 99% KH; các loại vaccine khác 1,6 triệu con; kiểm dịch 1,6 triệu con gia cầm, 70 ngàn con gia súc, 555 tấn thịt gia súc, 17 triệu trứng gia cầm các loại. Tháng vệ sinh tiêu độc khử trùng môi trường và phun xịt đập dịch cúm gia cầm, gia súc nghi bệnh LMLM, sử dụng 11.457 lít thuốc sát trùng với diện tích 21 triệu m².

- Kiểm dịch 65 triệu con giống tôm sú, 144 triệu con giống tôm thẻ chân trắng; thực hiện 12 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước phục vụ nuôi thủy sản; thu, phân tích 26 mẫu bệnh phẩm thủy sản để thông báo nông dân quản lý ao nuôi; cấp 80 giấy chứng nhận kiểm dịch động vật thủy sản; 05 chứng chỉ hành nghề thú y thủy sản; cấp 14 giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thức ăn, thuốc thú y thủy sản. Nâng tổng số đến nay kiểm dịch 492 triệu con giống tôm sú, 788 triệu con tôm thẻ chân trắng; thực hiện 65 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước phục vụ nuôi thủy sản; thu, phân tích 196 mẫu bệnh phẩm thủy sản để thông báo nông dân quản lý ao nuôi; cấp 103 giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn vệ sinh thú y cho cơ sở sản xuất, kinh doanh giống thủy sản; 716 giấy chứng nhận kiểm dịch động vật thủy sản; 43 chứng chỉ hành nghề thú y thủy sản; cấp 55 giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thức ăn, thuốc thú y thủy sản.

2. Công tác chuyển giao ứng dụng khoa học kỹ thuật:

- Tổ chức 42 lớp tập huấn về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản cho 1.234 người; xây dựng 58 công trình khí sinh học; kết hợp với Đài Phát thanh Truyền hình Trà Vinh thực hiện 01 chuyên mục “Quản lý chăm sóc tôm nuôi giai đoạn mùa mưa”. Nâng tổng số đến nay tổ chức 327 lớp tập huấn về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, nuôi thủy sản và công trình khí sinh học cho 8.905 lượt người (chăn nuôi 98 lớp, 2.595 lượt người; trồng trọt 68 lớp, 1.978 lượt người; thủy sản 135 lớp, 3.558 lượt người; khí sinh học 26 lớp, 774 lượt người), cử cán bộ xuống địa phương tư vấn trực tiếp cho 3.639 lượt nông dân xây dựng được 202 công trình khí sinh học; kết hợp với Đài Phát thanh Truyền hình Trà Vinh thực hiện 08 chuyên mục, 02 cuộc phóng sự và 02 bản tin thời sự.

- Tiếp tục triển khai, theo dõi 13 mô hình trình diễn: Hỗ trợ máy cấy lúa và ứng dụng hệ thống thâm canh cải tiến trong sản xuất lúa (SRI), trồng ớt chỉ thiên sử dụng màng phủ nông nghiệp, ứng dụng khoa học kỹ thuật trong luân canh lúa – đậu phộng, chăn nuôi gà thịt, heo thịt sử dụng đệm lót sinh học, chăn nuôi heo sinh sản hướng nạc và đảm bảo vệ sinh môi trường, chăn nuôi vịt đẻ hướng trứng an toàn sinh học kết hợp nuôi cá,...

3. Công tác thủy lợi và phòng chống lụt bão:

- Thực hiện 57 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 63.012 m, khối lượng đào đắp 268.101 m³. Nâng tổng số đến nay thực hiện 328 công trình, chiều dài 233.539 m, khối lượng 767.254 m³, đạt 92,7% kế hoạch.

- Chuẩn bị công bố dự án Quy hoạch hệ thống trạm bơm điện vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050; ký hợp đồng tư vấn với 02 dự án: Quy hoạch thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, Quy hoạch hệ thống đê bao, bờ bao ven sông Cổ Chiên và sông Hậu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh trong điều kiện Biến đổi khí hậu – nước biển dâng; theo dõi tiến độ thực hiện dự án Khảo sát, đánh giá và dự báo tình hình sạt lở bờ sông trên địa bàn tỉnh Trà Vinh trong điều kiện Biến đổi khí hậu – mực nước biển dâng.

- Tiếp tục kiểm tra các tuyến đê, công trình qua đê, và tổ chức gia cố bổ sung các vị trí xung yếu đảm bảo an toàn đê điều trong mùa mưa bão 2014.

- Nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng công trình nạo vét 04 kênh cấp II tại xã Ngãi Hùng huyện Tiểu Cần, công trình Duy tu bảo dưỡng đê điều năm 2014 trên địa bàn huyện Cầu Ngang.

- Tổ chức 20 đợt khảo sát, kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê, phát hiện 02 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê. Nâng tổng số đến nay tổ chức 97 đợt khảo sát, kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê, phát hiện 28 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê, đã tiến hành xử lý theo quy định và buộc khôi phục lại hiện trạng.

4. Công tác xây dựng cơ bản:

Triển khai thực hiện 14 dự án chuyên tiếp (06 công trình phục vụ nuôi trồng thủy sản, 02 công trình phục vụ sản xuất lúa, 04 công trình đê, kè; 02 công trình dân dụng) khối lượng thực hiện 150 tỷ đồng, giải ngân 107 tỷ đồng, đạt 54% kế hoạch cả năm. Công tác xây dựng cơ bản 7 tháng đầu năm gặp một số khó khăn như: Dự án được duyệt nhưng chưa có chủ trương giải phóng mặt bằng;

kinh phí bồi hoàn giải phóng mặt bằng được duyệt năm 2013 đến nay không đủ thực hiện, để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành công trình cần bổ sung thêm vốn; phát sinh một số hạng mục phụ hỗ trợ công trình khi đưa vào sử dụng sẽ phát huy hiệu quả hơn.

5. Sản xuất và cung ứng giống:

- Giống nông nghiệp:

+ Giống cây trồng: Sản xuất 15,2 ha lúa giống cấp nguyên chủng (trong đó sản xuất ngoài cộng đồng 10 ha); tổ chức nhân 4 giống OM 5451, OM 6932, OMCS 2012, GKG 1, khảo nghiệm 02 bộ giống lúa (A_0 , đặc sản), diện tích 0,2 ha trên vụ Hè Thu để chọn dòng phân ly; khảo nghiệm và đánh giá 02 giống dừa Sáp thơm và Sáp ngọt tại 02 huyện Cầu Kè và Châu Thành, với diện tích 01 ha. Cung ứng 06 tấn lúa giống và 2.882 cây giống các loại, nâng tổng số đến nay cung ứng 195 tấn lúa giống và 6.279 cây giống các loại.

+ Giống vật nuôi: Thực hiện 02 mô hình nhân giống gà ở xã Phú Cần huyện Tiểu Cần, xã Huyền Hội huyện Càng Long với số lượng 470 con gà mái hậu bị được 02 tháng tuổi và đang phát triển tốt.

- Giống thủy sản: Thực hiện 03 mô hình: Sinh sản nhân tạo và ương giống cá thát lát còm, sinh sản và ương giống cá lóc *Chana striata* dưới ao đất nhỏ trong 30 ngày đầu, nuôi vỗ cá sặc rằn tạo nguồn bố mẹ có chất lượng tốt. Tổ chức 02 lớp chuyên gia công nghệ: Quy trình kỹ thuật sản xuất giống cá lóc đợt 1 năm 2014 tại trại sản xuất Giống thủy sản Tiểu Cần, kỹ thuật sản xuất giống cua biển tại trại Giống thủy sản Hiệp Mỹ. Sản xuất trên 1,54 triệu con post tôm sú, 200 ngàn ấu trùng cua biển giống, cung ứng và giới thiệu địa chỉ uy tín cho người nuôi 0,35 triệu con cua biển giống, 300 ngàn con cá lóc giống. Nâng tổng số từ đầu năm đến nay sản xuất 15,32 triệu con post tôm sú, 200 ngàn ấu trùng cua biển giống, cung ứng và giới thiệu địa chỉ uy tín cho người nuôi 1,45 triệu con cua biển, 300 ngàn con cá lóc giống, 10,25 triệu con tôm thẻ chân trắng, 2,37 triệu con tôm sú giống.

6. Công tác phát triển nông thôn:

a) Công tác xây dựng nông thôn mới (NTM):

- Công tác tuyên truyền: Tổ chức tuyên truyền lồng ghép được 1.203 cuộc cho 33.178 lượt người tham dự, nâng tổng số đến nay tổ chức 2.680 cuộc tuyên truyền cho 77.000 lượt người tham dự với nội dung: tuyên truyền lồng ghép 19 tiêu chí nông thôn mới gắn với thực hiện cuộc vận động phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” gắn với xây dựng nông thôn mới, vận động người dân xây dựng hồ xí hợp vệ sinh, phổ biến 08 tiêu chuẩn gia đình nông thôn mới. Thực hiện phát thanh chuyên mục nông thôn mới trên Trạm truyền thanh với thời lượng 1 giờ 10 phút tại xã Long Đức Tp. Trà Vinh, nâng tổng thời lượng phát thanh về nông thôn mới đến nay được trên 72 giờ.

- Tập huấn các chuyên đề về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cho BCD các xã, huyện với 142 lượt người tham dự.

- Kết quả thực hiện các nguồn vốn:

+ *Vốn sự nghiệp*: Tổng vốn 4,378 tỷ đồng phân bổ cho 17 xã điểm (mỗi xã 197,5 triệu đồng) để hỗ trợ phát triển sản xuất, tuyên truyền nông thôn mới. Đến

nay, đã có 12 mô hình hoàn thành 100% kế hoạch (trong đó có 7 mô hình đã giải ngân với tổng số tiền là 1,56 tỷ đồng, đạt 37,36% tổng dự toán).

+ *Vốn ngân sách tỉnh*: Tổng vốn 34 tỷ đồng (bình quân 2 tỷ đồng/xã). Đến nay, các xã đã triển khai thi công các công trình giao thông nông thôn, có 14 xã đã giải ngân với tổng số tiền là 15,35 tỷ đồng, đạt 41,27% tổng dự toán.

+ *Vốn trái phiếu Chính phủ*: Phân bổ cho 30 xã, đến nay, có trên 20 xã triển khai thi công công trình (trong đó, có 10 xã đã giải ngân với tổng số tiền là 5,04 tỷ đồng, đạt gần 8% tổng dự toán).

b) *Bố trí dân cư*: Dự án Di dân khẩn cấp vùng ven biển xã Trường Long Hòa, huyện Duyên Hải hạng mục san lấp mặt bằng đạt 87% tiến độ, dự án Di dân sạt lở xã Đại Phước, huyện Càng Long giai đoạn 2 đang vận động các hộ dân thực hiện giải phóng mặt bằng, dự án Kè chống sạt lở bờ sông Cần Chông bảo vệ 89 hộ dân tại thị trấn Tiểu Cần, huyện Tiểu Cần đã được UBND tỉnh thẩm định.

c) *Phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã (HTX)*: Trình UBND tỉnh dự toán kinh phí xây dựng đề án đổi mới, phát triển các hình thức KTHT trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020; Dự thảo chi tiết phương án sản xuất kinh doanh của HTX và hướng dẫn phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, phòng Kinh tế các phụ lục theo hướng dẫn Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014; xây dựng đề cương triển khai thi hành Luật HTX năm 2012 đối với các HTX trong nông nghiệp.

d) *Phát triển ngành nghề nông thôn*: Tổ chức 13 lớp đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn với 320 người tham dự. Trình UBND tỉnh xin chủ trương ban hành quy định hướng dẫn tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận danh hiệu nghề nhân cấp tỉnh.

đ) *Nước sạch và vệ sinh môi trường*: Hoàn thành 02 dự án; tiếp tục thực hiện 01 dự án, khối lượng thực hiện đạt 80%, khởi công xây dựng 01 dự án, chuẩn bị đấu thầu 01 dự án. 02 dự án được duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật. Lắp đặt cho 66.645 hộ sử dụng nước máy, tăng 5.930 hộ so với đầu năm, đạt 84,8% kế hoạch; giải ngân vốn đầu tư 14,9 tỷ đồng, đạt 61,85% kế hoạch.

7. Công tác quản lý Nhà nước chuyên ngành:

a) *Quản lý chất lượng nông - lâm - thủy sản*:

Kiểm tra điều kiện đảm bảo ATVSTP, đánh giá, phân loại 289 cơ sở kinh doanh thực phẩm, vật tư nông nghiệp, sản xuất giống thủy sản và 30 tàu cá; cấp 38 giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo ATVSTP; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 97 mẫu nông sản, thủy sản. Nâng tổng số đến nay kiểm tra điều kiện đảm bảo ATVSTP, đánh giá, phân loại 516 cơ sở kinh doanh thực phẩm, vật tư nông nghiệp, giống thủy sản, cơ sở giết mổ, sản xuất rau an toàn và 66 tàu cá; cấp 164 giấy chứng nhận (61 giấy đủ điều kiện bảo đảm ATTP sản xuất, kinh doanh thủy sản; 02 giấy cơ sở đủ điều kiện sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn; 101 giấy chứng nhận xuất xứ nhãn hiệu 02 mảnh vỏ); tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 340 mẫu (70 mẫu nông sản, 270 mẫu thủy sản).

b) *Quản lý tàu cá, cảng cá*:

- Kiểm tra an toàn kỹ thuật 105 tàu cá, cấp văn bản đóng mới, cải hoán 18 tàu, đăng ký 24 tàu, xóa bộ 03 tàu, cấp 43 sổ danh bạ, cấp 101 giấy phép khai thác thủy sản. Nâng tổng số đến nay kiểm tra an toàn kỹ thuật 371 tàu cá (19 tàu

ngoài tỉnh), cấp văn bản đóng mới, cải hoán 65 tàu, đăng ký 87 tàu, xóa bộ 08 tàu, cấp 136 sổ danh bạ (559 thuyền viên), cấp 344 giấy phép khai thác thủy sản. Đến nay tổng số tàu đăng ký trên địa bàn tỉnh 1.291 tàu cá, tổng công suất 84.420 CV (198 tàu có công suất từ 90 CV trở lên).

- Tổ chức thu phí 2.492 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 2.077 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 107 triệu đồng. Nâng tổng số đến nay thu phí 11.834 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 12.310 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 464 triệu đồng.

c) Thanh tra Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Tuyên truyền pháp luật: Tổ chức 65 cuộc tuyên truyền, phổ biến Luật Thủy sản, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, kinh doanh thuốc, thức ăn thủy sản cho 2.735 lượt người. Nâng tổng số đến nay tổ chức 117 cuộc tuyên truyền, phổ biến Luật Thủy sản, quản lý tàu cá, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, các quy định về sản xuất, kinh doanh giống thủy sản, kinh doanh thuốc, thức ăn thủy sản cho 7.327 lượt người.

- Kiểm tra xử lý vi phạm: Tổ chức thanh tra, kiểm tra 148 cơ sở, phương tiện vận chuyển giống thủy sản, khai thác thủy sản; thu 25 mẫu phân bón, thức ăn chăn nuôi kiểm tra chất lượng; quyết định xử phạt 19 trường hợp. Nâng tổng số đến nay tổ chức thanh tra, kiểm tra 714 tổ chức, cá nhân và cơ sở, phương tiện vận chuyển, khai thác thủy sản; thu 118 mẫu thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, thuốc BVTV, phân bón, kiểm tra chất lượng; xử lý vi phạm 63 trường hợp.

8. Các công tác khác:

- Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề cương dự toán quy hoạch vùng cây ăn quả chủ lực trồng tập trung trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020.

- Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban điều hành xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Lấy ý kiến các Sở, ngành tính dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tiêu chí quy mô diện tích tối thiểu cánh đồng lớn và mức hỗ trợ cụ thể về xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Rà soát quy hoạch chăn nuôi giết mổ tập trung và hoàn chỉnh báo cáo quy hoạch làng nghề phát triển nông thôn và rà soát quy hoạch chi tiết nuôi cá da trơn xuất khẩu ven tuyến sông Tiền, quy hoạch chi tiết nuôi cá da trơn xuất khẩu huyện Tiểu Cần, Cầu Kè và quy hoạch lại diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng tại các huyện Cầu Ngang, Duyên Hải, Trà Cú và rà soát các trại sản xuất giống thủy sản tập trung trên địa bàn tỉnh.

- Trình quyết toán công trình trồng cây phân tán năm 2012.

- Báo cáo tình hình thực hiện 6 tháng đầu năm 2014; ước thực hiện cả năm 2014 và nhu cầu kế hoạch đầu tư phát triển năm 2015; xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2015; xây dựng kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn Trà Vinh năm 2015.

9. Đánh giá

a) Kết quả đạt được:

- Công tác tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh được tăng cường trên các phương tiện thông tin đại chúng góp phần nâng cao nhận thức về dịch bệnh và công tác phòng chống dịch trong nhân dân.

- Việc triển khai thực hiện vùng lúa chất lượng cao và mô hình cánh đồng mẫu ngày càng đi vào chiều sâu, nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm.

- Nông dân các huyện tập trung thu hoạch thủy sản đạt sản lượng khá, đặc biệt là tôm chân trắng, tôm sú; thời tiết biến tương đối thuận lợi cho ngư dân khai thác hải sản nên sản lượng đạt cao hơn cùng kỳ.

- Các công trình thủy lợi đầu tư phục vụ sản xuất bước đầu đã mang lại hiệu quả.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Công tác rà soát các quy hoạch còn chậm so với thời gian quy định.

- Việc lập kế hoạch chuyển đổi 9.000 ha đất trồng lúa sang trồng màu, trồng lúa kết hợp nuôi thủy sản một số địa phương chưa có báo cáo cụ thể.

- Còn một vài địa phương chưa chỉ đạo quyết liệt trong công tác phòng chống dịch bệnh, nên khả năng nguy cơ xảy ra dịch bệnh là rất lớn.

- Giao thông ngày càng phát triển nên việc vận chuyển động vật xuất – nhập tỉnh ngày càng phức tạp và khó kiểm soát.

- Nguồn ngân sách tỉnh phân bổ không kịp thời gây khó khăn cho hoạt động trồng cây lâm nghiệp phân tán của ngành.

III. KẾ HOẠCH THÁNG 8 NĂM 2014

1. Công tác chỉ đạo sản xuất và phòng chống dịch bệnh:

a) Trồng trọt:

- Cây lúa: Kết hợp địa phương chỉ đạo các xã cánh A của huyện Càng Long và một số xã của huyện Tiểu Cần, Cầu Kè xuống giống dứt điểm vụ Thu Đông – mùa trong tháng 7, các địa phương còn lại chăm sóc tốt diện tích lúa hiện diện trên đồng, hướng dẫn nông dân vệ sinh đồng ruộng chuẩn bị tốt điều kiện xuống giống lúa vụ Thu Đông – mùa; tiếp tục mở rộng vùng sản xuất lúa chất lượng cao và mô hình cánh đồng mẫu lớn nhằm tăng năng suất, sản lượng và chất lượng lúa gạo; triển khai điều tra giá thành sản xuất lúa vụ Hè Thu làm cơ sở tính giá kế hoạch năm 2015.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày: Tiếp tục triển khai trồng màu theo kế hoạch; hướng dẫn nông dân chăm sóc, phòng trừ các loại sâu bệnh gây hại. Theo dõi mô hình cánh đồng mẫu trên cây mía.

b) Chăn nuôi gia súc, gia cầm: Tập trung công tác phòng, chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi; tiếp tục thực hiện tiêm phòng các loại vaccine như cúm gia cầm, LMLM trên gia súc và tai xanh trên heo và các loại vaccine thường xuyên khác; kết hợp địa phương quản lý chặt chẽ tình hình vịt chạy đồng nhất là thời điểm thu hoạch rộ lúa Hè Thu, tiếp tục quản lý đàn thông qua hình thức cấp sổ chăn nuôi.

c) Thủy sản: Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn khuyến cáo người dân thả nuôi các loại thủy sản nước ngọt có giá trị kinh tế; hướng dẫn nông dân chăm sóc

đàn tôm, cá thả nuôi trong điều kiện mùa mưa; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và có biện pháp xử lý đối với các cơ sở cung ứng con giống, đặc biệt là đối với cơ sở ương dưỡng dịch vụ giống, quản lý chặt chẽ kinh doanh thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, thức ăn dùng trong nuôi trồng thủy sản; kiểm tra điều kiện VSATTP đối với tàu cá, các cơ sở thu mua, sơ chế, bảo quản nguyên liệu thủy sản; tổ chức các cuộc tuyên truyền về Luật thủy sản và khai thác bảo vệ nguồn lợi thủy sản; hướng dẫn ngư dân trang bị đầy đủ các phương tiện cho tàu khai thác trước khi ra khơi trong mùa mưa bão.

2. Chương trình MTQG nông thôn mới:

Điều tra xét công nhận ấp, hộ nông thôn mới, nhu cầu đầu tư các công trình tại địa phương để hoàn chỉnh đề án xây dựng nông thôn mới của huyện giai đoạn 2014 – 2015 và định hướng đến năm 2020; triển khai tập huấn các chuyên đề về xây dựng nông thôn mới cho Ban Chỉ đạo huyện, xã; phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh thực hiện phóng sự về kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

3. Công tác chuyên môn:

- Triển khai lập quy hoạch vùng cây ăn quả chủ lực trồng tập trung trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020.

- Tham mưu trình UBND tỉnh dự thảo tiêu chí quy định cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh và lập kế hoạch xây dựng cánh đồng lớn về lĩnh vực trồng trọt đến năm 2020.

- Hoàn chỉnh báo cáo rà soát quy hoạch chi tiết nuôi cá da trơn xuất khẩu ven tuyến sông Tiền; quy hoạch chi tiết nuôi cá da trơn xuất khẩu huyện Tiểu Cần, Cầu Kè và quy hoạch lại diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng tại các huyện Cầu Ngang, Duyên Hải, Trà Cú và rà soát các trại sản xuất giống thủy sản tập trung trên địa bàn tỉnh.

- Chuẩn bị báo cáo tình hình thực hiện chỉ tiêu nhiệm vụ giai đoạn 2011-2015, xây dựng kế hoạch 2016-2020.

- Thường xuyên kiểm tra cao trình nước tại các cống đầu mỗi chủ động có kế hoạch phòng chống ngập úng, chỉ đạo vận hành công phục vụ an toàn cho sản xuất; tăng cường kiểm tra các tuyến đê, kịp thời xử lý các trường hợp vi phạm an toàn thân đê trong mùa mưa bão.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác thủy lợi nội đồng năm 2014; theo dõi, thực hiện việc giám sát thi công các công trình thủy lợi, xây dựng cơ bản chuyên tiếp và đầu tư mới năm 2014.

- Tiếp tục sản xuất và cung ứng giống lúa, cây ăn trái, giống thủy sản nước ngọt; tập trung chuyển giao công nghệ sản xuất giống thủy sản các loại cho các cơ sở sản xuất giống trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung tư vấn trực tiếp và chuyên gia kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi và nuôi thủy sản; tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật 3 giảm 3 tăng, 1 phải 5 giảm trong sản xuất lúa, đặc biệt là sản xuất lúa chất lượng cao và mô hình cánh đồng mẫu lớn; triển khai thực hiện các mô hình trình diễn năm 2014, đồng thời nhân rộng các mô hình có hiệu quả năm 2013.

- Kiểm tra công tác trồng rừng và trồng cây phân tán, tiếp tục thực hiện kế hoạch phòng cháy chữa cháy rừng; tăng cường tuần tra quản lý bảo vệ rừng.

- Quản lý tốt tàu thuyền và xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu phí, lệ phí đúng qui định.

- Tăng cường các hoạt động quản lý Nhà nước chuyên ngành: Quản lý chất lượng cây, con giống; vật tư đầu vào phục vụ sản xuất như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y; kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm; tuyên truyền nâng cao ý thức của ngư dân trong việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản, đồng thời kiểm tra việc chấp hành Luật Thủy sản trong sản xuất, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

- Phối hợp Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh tăng cường công tác tuyên truyền về phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn cho ngư dân; hướng dẫn nông, ngư dân ở vùng ven sông, ven biển, vùng có nguy cơ bị sạt lở chủ động di dời khi có sự cố; tuyên truyền cho ngư dân trang bị các thiết bị an toàn cho thuyền viên và tàu cá trước khi ra khơi.

Trên đây là tình hình công tác tháng 7, kế hoạch tháng 8 năm 2014, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh nắm, theo dõi, chỉ đạo. /.

Nơi nhận:

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGD Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TP;
- Lưu: VT, KHTC.



GIÁM ĐỐC

Trần Trung Kiên

**BÁO CÁO 7 THÁNG ĐẦU NĂM
VỀ SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN**

Mã số	Đơn vị	Thực hiện cùng kỳ	KH vụ/năm 2014	Thực hiện tháng 7	Ước TH 7 tháng đầu năm 2014	% so sánh với	
						Cùng kỳ	Kế hoạch
A		4	1			3	4=3/1
A	SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP						
I.	TRỒNG TRỌT						
1	Cây hàng năm						
	Tổng DT gieo trồng	Ha	126.620	223.030	11.703	127.945	101,05% 57,37%
1.1.	Cây lương thực có hạt	Ha	92.314	172.600	8.831	90.861	98,43% 52,64%
	Cây lúa	Ha	88.672	167.400	8.593	87.003	98,12% 51,97%
	Vụ Hè Thu						
	- DT gieo sạ	ha	80.657	80.000	1.818	80.227,9	99,47% 100,28%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	14.992	80.000	8.591	14.246	95,03% 17,81%
	- Năng suất	Tạ/ha	53,30	54,98	80,37	53,68	100,72% 97,65%
	- Sản lượng	tấn	79.907	439.830	69.048	76.481	95,71% 17,39%
	Vụ Thu Đông-mùa						
	- Diện tích	Ha	8.015	87.400	6.775	6.775	84,53% 7,75%
	- Năng suất	Tạ/ha		5,42			0,00%
	- Sản lượng	tấn		473.271			0,00%
	Cây màu	Ha					
	Diện tích gieo trồng	Ha	37.948	55.630	3.110	40.942	107,89% 73,60%
	Diện tích thu hoạch	Ha	31.238	55.630	5.107	34.306	109,82% 61,67%
	Cây bắp						
	- Diện tích gieo trồng	Ha	3.642	5.200	238	3.858	105,94% 74,20%
	- Diện tích thu hoạch	"	2.898	5.200	424	3.365	116,13% 64,71%
	- Năng suất	Tạ/ha	54,20	57,50	59,8	55,10	101,66% 95,83%
	- Sản lượng	Tấn	15.705	29.900	2.537	18.541	118,06% 62,01%
1.2.	Cây có củ	Ha	2.047	3.650	277	2.001	97,75% 54,82%
	Khoai lang						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.073,0	1.750	111	987	91,97% 56,39%
	+ Diện tích thu hoạch	"	710	1.750	105	753	106,01% 43,01%
	+ Năng suất	Tạ/ha	167	143,00	161	165	98,51% 115,38%
	+ Sản lượng	Tấn	11.892	25.025	1.690	12.420	104,44% 49,63%
	Sắn						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	616	1.100	114	649	105,44% 59,04%
	+ Diện tích thu hoạch	"	382	1.100	81	441	115,45% 40,09%
	+ Năng suất	Tạ/ha	157	130,50	157,30	161	102,36% 123,14%
	+ Sản lượng	Tấn	5.997	14.355	1.267	7.087	118,17% 49,37%
	Cây có củ khác						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	358	800	51	365	101,87% 45,59%
	+ Diện tích thu hoạch	"	288	800	19,68	298	103,47% 37,25%
1.3.	Cây thực phẩm	Ha	20.334	30.900	2.085	21.143	103,98% 68,42%
	Rau các loại						
	+ DT gieo trồng	Ha	19.553,00	30.000	2.063	20.548	105,09% 68,49%
	+ Diện tích thu hoạch	"	15.709,00	30.000	3.660	16.404	104,42% 54,68%
	+ Năng suất	Tạ/ha	205	223	208	211	102,62% 94,54%
	+ Sản lượng	Tấn	322.703	669.000	76.034	345.812	107,16% 51,69%
	Đậu các loại						
	+ DT gieo trồng	Ha	781	900	22	595	76,20% 66,13%
	+ Diện tích thu hoạch	"	464	900	36	496	106,90% 55,11%
	+ Năng suất	Tạ/ha	14	15	16	17	123,35% 114,67%
	+ Sản lượng	Tấn	647	1.350	56	853	131,86% 63,19%

Mã số	Chỉ tiêu	Thực hiện cùng kỳ	KH vụ/năm 2014	Thực hiện tháng 7	Ước TH 7 tháng đầu năm 2014	% so sánh với		
						Cùng kỳ	Kế hoạch	
1.4	Cây công nghiệp hàng năm		11.925	15.880	510	13.940	116,89%	87,78%
	Đậu phộng							
	+ Diện tích gieo trồng	ha	3.996,0	5.000	74	4.022	100,65%	80,44%
	+ Diện tích thu hoạch	ha	3.634,00	5.000	229	3.812	104,90%	76,24%
	+ Năng suất	Tạ/ha	51,7	51,70	50,57	50,6	98,02%	97,95%
	+ Sản lượng	Tấn	18.776	25.850	1.158	19.305	102,82%	74,68%
	Mía							
	+ Diện tích trồng	Ha	6.250	6.300	106	6.381	102,10%	101,29%
	Trong đó: DT trồng mới	"						
	+ Diện tích thu hoạch	"	5.623	6.300	359	5.768	102,58%	91,56%
	+ Năng suất	Tạ/ha	1.077	1.100	1.089	1.077	100,00%	97,91%
	+ Sản lượng	Tấn	605.607	693.000	39.111	621.214	102,58%	89,64%
	Cây lác (cói)							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.679	2.500	200	1.831	109,03%	73,22%
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.383	2.500	132	1.422	102,83%	56,88%
	+ Năng suất	Tạ/ha	105,88	100,00	101,59	100,1	94,54%	100,10%
	+ Sản lượng	Tấn	14642	25.000	1.341	14.234	97,21%	56,94%
	Cây trồng khác	ha						
	+ Diện tích gieo trồng	ha	1387	2.080	131	1.706	123,00%	82,02%
	+ Diện tích thu hoạch	ha	148	2.080	62	1.548	1045,95%	74,42%
2	Cây lâu năm							
II	CHĂN NUÔI							
B	LÂM NGHIỆP							
1.	Lâm sinh							
1.1.	DT rừng trồng tập trung	Ha	7,4	130				
	Trong đó:							
	- Rừng phòng hộ	"	7,4	130				
	- Rừng đặc dụng	"						
	- Rừng sản xuất	"						
	DT trồng lại sau khai thác	Ha						
1.2.	DT rừng trồng được chăm sóc	Ha		314				
1.3.	DT khoanh nuôi tái sinh	Ha		65				
1.4.	DT giao khoán bảo vệ	Ha		4.793				
1.5.	Số cây lâm nghiệp phân tán	1000 cây		1.000				
2.	Khai thác							
	- Sản lượng gỗ khai thác	m ³						
	Trong đó: Gỗ rừng trồng	"						
C	DIÊM NGHIỆP							
D	THỦY SẢN							
1.	Tổng diện tích nuôi	Ha	43.772	52.290	2.474	42.767	97,70%	81,79%
1.1.	Nuôi nước ngọt	"	2.153,95	12.000	1.286	2.584	119,97%	21,53%
	- Diện tích nuôi cá	"	2.025,90	10.600	848	2.009	99,19%	18,96%
	Trong đó: cá tra, cá ba sa	"	20,92	70	4,52	12,99	62,09%	18,56%
	+ Cá lóc	"	186,31	305	47	181,54	97,44%	59,52%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	98,05	1.300	438	535	545,64%	41,15%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	98,05	1.300	438	535	545,64%	41,15%
	- Diện tích nuôi khác	"	30	100	-	39,7	132,33%	39,70%
1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Ha	41.618	40.290	1.188	40.183	96,55%	99,73%
	- Diện tích nuôi cá	"						
	Trong đó: + cá giò, cá song	"						
	+ ...	"						
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	41.468	38.790,0	1.188	39.604	95,51%	102,10%

Mã số	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện cùng kỳ	KH vụ/năm 2014	Thực hiện tháng 7	Ước TH 7 tháng đầu năm 2014	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	Trong đó: + Tôm sú		25.524	19.000	628	19.333	75,74%	101,75%
	+ Tôm thẻ chân trắng		1.687	4.240	246	4.730	280,38%	111,56%
	+ Cua biển		14.257	15.550	313	15.541	109,01%	99,94%
	- Diện tích nuôi khác (nghêu - sò huyết)		150	1.500	-	579	386,00%	38,60%
2.	Thể tích nuôi lồng, bè	m ³						
	- Nuôi cá	"						
	- Nuôi giáp xác	"						
	- Nuôi nhuyễn thể	"						
3.	Sản lượng con giống SX	Triệu con						
	- Cá giống	"						
	- Tôm giống	"						
	- Nhuyễn thể giống	"						
4	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	83.885	172.650	28.237	109.020	129,96%	63,15%
4.1	Tổng sản lượng nuôi	Tấn	41.400	96.850	18.170	62.796	151,68%	64,84%
4.1.1	Nuôi nước ngọt	Tấn	28.836	54.150	8.529	33.809	117,24%	62,43%
	- Sản lượng cá	"	28.491,00	53.500	8.485	33.431	117,34%	62,49%
	Trong đó: Cá tra, cá ba sa	"	9.062	15.500	703	5.350	59,04%	34,52%
	+ Cá lóc	"	11.546	18.000	4.362	19.098	165,41%	106,10%
	- Sản lượng giáp xác	"	294	650	17	275	93,56%	42,35%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	294	650	17	275	93,56%	42,35%
	- Sản lượng thủy sản khác	"	50,91		27	102	200,94%	
4.1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	12.564	42.700	9.641	28.987,6	230,71%	67,89%
	- Sản lượng cá nuôi	"						
	Trong đó: Cá giò, cá song	"						
	...	"						
	- Sản lượng giáp xác nuôi	"	12.196,00	38.000	9.555	28.370	232,61%	74,66%
	Trong đó: + Tôm sú	"	4.883	13.600	3.398	7.268	148,84%	53,44%
	+ Tôm chân trắng	"	2.708	14.400	4.723	16.669	615,55%	115,76%
	+ Nuôi cua biển	"	4.605	10.000	1.434	4.433	96,26%	44,33%
	- Sản lượng thủy sản khác (nghêu - sò huyết)	"	368	4.700	86	618	167,80%	13,15%
4.2	Tổng sản lượng khai thác	Tấn	42.485	75.800	10.068	46.224	108,80%	60,98%
4.2.1.	Khai thác biển	Tấn	36.422	62.000	8.415	39.018	107,13%	62,93%
	+ Sản lượng cá khai thác	Tấn	16.176	25.000	2.776	17.446	107,85%	69,78%
	Trong đó: - Loài	"						
	- ...	"						
	+ Sản lượng giáp xác khai thác	Tấn	5.688	5.500	1.067	6.689	117,61%	121,62%
	Trong đó: - Tôm...	"	5.688	5.500	1.067	6.689	117,61%	121,62%
	- ...	"						
	+ SL nhuyễn thể khai thác	Tấn						
	Trong đó: - Loài	"						
	- ...	"						
	+ SL hải sản khác khai thác	"	14.558	31.500	4.572	14.883	102,23%	47,25%
4.2.2	Khai thác nội địa	Tấn	6.063	13.800	1.653	7.206	118,85%	52,21%
	Trong đó: - Cá các loại	"	2.506	6.200	798	3.129	124,86%	50,46%
	- Tôm các loại	"	2.215	4.500	424	2.491	112,45%	55,36%
	- Nhuyễn thể các loại	"	-					
	- Giáp xác các loại (không kể tôm)	"	-					
	- Thủy sản khác	"	1.342	3.100	431	1.586	118,19%	51,16%